TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/**2023/DS-ST.

Ngày: 21 – 3 – 2023.

V/v "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2021/TLST – DS, ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc "*Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53a/2022/QĐXXST – DS, ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST–DS, ngày 12/9/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10, ngày 29/9/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02 ngày 03/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Doãn Thị S. Địa chỉ: Thôn 12, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Long N. Địa chỉ: Thôn 1B, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Duy C. Chức vụ: Trưởng chi nhánh - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HK & Gia Luật chi nhánh tại K. Địa chỉ: Số 103, đường Lê Thị Hồng G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

- Đồng bị đơn, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H:

+ Bà Phan Thị T, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Thôn 1A, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr, sinh năm: 1996.

+ Chị Nguyễn Thị Lý Thu T, sinh năm: 1998.

+ Anh Nguyễn Duy Lý Đức H, sinh năm: 2002.

Cùng địa chỉ: Thôn 1A, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1943. Nơi cư trú: Thôn 4, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Long N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 01/03/2021 âm lịch (tức ngày 12/4/2021 dương lịch) nguyên đơn bà Doãn Thị S có cho ông Nguyễn Duy H vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay các bên thỏa thuận bằng lời nói là 2 tháng sẽ trả dứt điểm, tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng ông H vẫn chưa trả tiền cho bà S. Đến ngày 28/6/2021 ông Nguyễn Duy H chết. Vì vậy bà Doãn Thị S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H là bà Phan Thị T, cùng với 03 người con của bà T, ông H là chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr, chị Nguyễn Thị Lý Thu T và anh Nguyễn Duy Lý Đức H thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại có trách nhiệm liên đới trả cho bà Doãn Thị S số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng chẵn) tiền vay gốc trong phạm vi

di sản thừa kế để lại. Về lãi suất phát sinh: Khi vay không có lãi suất nên nguyên đơn không yêu cầu.

* N**gười bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Duy C trình bày:** Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Phan Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Doãn Thị S.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày**: Bà T là mẹ ruột của ông Nguyễn Duy H, từ trước đến nay bà T không sống cùng ông H nên mọi vấn đề vay mượn tiền của ông Nguyễn Duy H cụ thể như thế nào thì bà T hoàn toàn không biết và không có nhận bất cứ thừa kế tài sản gì từ ông H chết để lại nên không liên quan đến việc bà S khởi kiện và cũng không có ý kiến gì đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà S.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật; mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; đồng bị đơn bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr, chị Nguyễn Thị Lý Thu Tvà anh Nguyễn Duy Lý Đức H, đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T có đơn xin vắng mặt; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Tại phiên tòa ông Trịnh Long N trình bày ý kiến tranh luận: Ông Nhật vẫn giữ nguyên quan điểm toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị S, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- Ông Phạm Duy C, bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt

- Đồng bị đơn: Bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr, chị Nguyễn Thị Lý Thu T và anh Nguyễn Duy Lý Đức H, đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý

do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 5 Điều 94, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 195, Điều 203; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 615, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị S.

- Buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Doãn Thị S 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại.

- Về lãi suất phát sinh: Nguyên đơn bà Doãn Thị S không yêu cầu. Do đó, Tòa án không đề cập để giải quyết.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Doãn Thị S số tiền 80.000.000đ vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại.

Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Doãn Thị S lập ngày 20 tháng 8 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 22/11/2021 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là giấy vay tiền, bản sao trích lục chứng tử số 55 ngày 05/7/2021 của UBND xã N xác định ông Nguyễn Duy H chết vào ngày 28/6/2021, Toà án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp

luật: “Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại ” được quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự. Xét thấy tại thời điểm khởi kiện, đồng bị đơn cư trú tại thôn 1A, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đồng bị đơn: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa nhưng đồng bị đơn bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H và chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr vắng mặt không có lý do; Bà Trần Thị T, ông Phạm Duy Cương có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị S yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr, chị Nguyễn Thị Lý Thu T và anh Nguyễn Duy Lý Đức H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Doãn Thị S 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng chẵn) tiền vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy H để lại, HĐXX nhận định: Vào ngày 01/03/2021 âm lịch tức nhằm ngày 12/4/2021 dương lịch nguyên đơn bà Doãn Thị S có cho Nguyễn Duy H vay số tiền 80.000.000đ vay gốc, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Nguyễn Duy H bị bệnh chết, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Doãn Thị S làm đơn khởi kiện bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr có trách nhiệm liên đới trả cho bà S 80.000.000đ tiền vay gốc theo giấy vay tiền ghi ngày 01/03/2021 âm lịch giữa ông Nguyễn Duy H và bà S trong phạm vi di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy H để lại.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, Toà án đã triệu tập đồng bị đơn đến Toà án lập bản tự khai, tham gia phiên họp và hoà giải nhưng đồng bị đơn bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, bà Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr đều vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày

29/6/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Duy H tại giấy vay tiền ghi ngày 01/03/2021 âm lịch (bút lục số 121).

Tại kết luận giám định số: kết luận giám định số 653/KL –KTHS ngày 05/8/2022 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. Kết luận giám định như sau:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Duy H trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ kí, chữ viết mang tên Nguyễn Duy H trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Duy H trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ kí, chữ viết mang tên Nguyễn Duy H trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2 do cùng một người ký ra.

Như vậy căn cứ đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Doãn Thị S là ông Trịnh Long N tại phiên toà và căn cứ kết luận giám định số 653/KL –KTHS ngày 05/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Ngày 01/03/2021 âm lịch (tức nhằm ngày 12/4/2021 dương lịch) ông Nguyễn Duy H có xác lập hợp đồng vay của bà Doãn Thị S số tiền 80.000.000đ vay gốc, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Nguyễn Duy H bị bệnh chết nhưng chưa trả tiền cho bà S là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

1. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.*

Do ông Nguyễn Duy H chết nên phát sinh việc thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị S yêu cầu bà Phan Thị T là vợ của ông Nguyễn Duy H, cùng 03 người con của ông Nguyễn Duy H là chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trả cho bà Doãn Thị S

80.000.000 đồng vay gốc. HĐXX, xét thấy: Trong thời kỳ chung sống ông Nguyễn Duy H và bà Phan Thị T chung sống với nhau có 03 người con chung là chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Duy H nhưng các bên đương sự không cung cấp được cho Tòa án. Tại biên bản xác minh tại UBND xã N, huyện K và UBND xã A, huyện N thể hiện: Qua rà soát tàng thư, hồ sơ lưu trữ tại UBND xã N, huyện K và UBND xã A, huyện N xác định từ năm 1998 trở về trước hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không còn lưu trữ tại địa phương, từ năm 1998 đến nay không có trường hợp nào tên là Nguyễn Duy H, sinh năm 1967 và Phan Thị T, sinh năm 1974 đăng ký kết hôn tại UBND xã. Ngoài ra bà Phan Thị T, sinh năm 1974 thì độ tuổi đủ điều kiện để làm thủ tục đăng ký kết hôn là từ sau năm 1992 và con lớn nhất của ông H bà T là chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr, sinh năm 1996. Vì vậy, căn cứ vào kết quả xác minh nêu trên và căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, xác định: Ông Nguyễn Duy H và bà Phan Thị T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên bà T không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H bao gồm bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr. Do đó, việc bà Doãn Thị S yêu cầu buộc bà Phan Thị T cùng có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S số tiền 80.000.000đ là không có căn cứ nên không chấp nhận là phù hợp.

[2.3] Xét ý kiến của bà Trần Thị T cho rằng: Bà T là mẹ ruột của ông Nguyễn Duy H và bà không có nhận bất cứ tài sản thừa kế gì từ ông H chết để lại nên không liên quan đến việc bà S khởi kiện. HĐXX nhận định: Bà Trần Thị T là mẹ đẻ của ông Nguyễn Duy H, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, vì vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự HĐXX cần buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới cùng với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H

là chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr trả nợ cho bà Doãn Thị S 80.000.000đ vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại là phù hợp.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị S là có căn cứ, vì vậy HĐXX căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự, buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Doãn Thị S 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại là đúng theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Doãn Thị S số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại.

[2.4] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Doãn Thị S không yêu cầu. Do đó HĐXX không đề cập để giải quyết.

[3] Về chi phí giám định: Buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Doãn Thị S số tiền 4.480.000đ chi phí giám định chữ ký.

[4] Về án phí và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T phải có trách nhiệm liên đới phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, (theo mức: 80.000.000đ x 5%).

Bà Doãn Thị S được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do đó HĐXX không đề cập để giải quyết.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 5 Điều 94, Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 195, Điều 203; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 615, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị S.

- Buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Doãn Thị S 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại.

- Về lãi suất phát sinh: Nguyên đơn bà Doãn Thị S không yêu cầu. Do đó, Tòa án không đề cập để giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trong phạm vi di sản thừa kế để lại.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị S đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Doãn Thị S số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) vay gốc trong phạm vi di sản thừa kế để lại.

3. Về chi phí giám định: Buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy H có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Doãn Thị S số tiền 4.480.000đ chi phí giám định chữ ký.

4. Về án phí và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị Lý Thu T, anh Nguyễn Duy Lý Đức H, chị Nguyễn Thị Lý Quỳnh Tr và bà Trần Thị T phải có trách nhiệm liên đới phải chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Doãn Thị S được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do đó HĐXX không đề cập để giải quyết.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đồng bị đơn và người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự."

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai